TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 894/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2163/2024/TLST–HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1332/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 26/2/2025; quyết định hoãn số 2352/2025/QĐST–HNGĐ ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy V, sinh năm: 1970 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Xóm T, xã X, huyện N, tỉnh A.
Địa chỉ: 404 Tầng 4, Lô B, Chung cư K – số X đường Q, Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1, Đường số B, Khu phố Z (nay là khu phố Y), phường PL, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Bà Phan Thị Thúy V (gọi tắt là bà V) trình bày:* Bà và Ông Nguyễn Anh T tự nguyện kết hôn vào ngày 02/6/2017 tại Đại Sứ quán Việt Nam ở Liên Bang Nga. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập ở Liên Bang Nga. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau một thời gian có phát sinh mâu thuẫn nhưng không thể khắc phục được do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Hai bên hiện tại đã sống ly thân vào khoảng năm 2022, trong thời gian sống ly thân đã có tạo điều kiện để đoàn tụ nhưng không kết quả. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Nguyễn Anh T;

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 10/10/1997; Nguyễn Phan Thảo L (Nữ), sinh ngày 19/10/2002; Nguyễn Đức T (Nam), sinh ngày 30/01/2004 - tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung; nợ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn Ông Nguyễn Anh T (gọi tắt là ông T) đã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức thì bị đơn Ông Nguyễn Anh T thực tế đang cư trú tại: phường PL, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga cấp ngày 02/06/2017. Căn cứ Luật hộ tịch năm 2014; Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo như lời khai của nguyên đơn, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà V và ông T kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân do là hai bên bất đồng quan điểm, đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành, thực tế đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà V xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì lý do bận công việc bà có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà V, điều này cho thấy ông T cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà V;

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì bà V thừa nhận cho thấy giữa ông T và bà V hiện không còn cuộc sống chung vợ chồng, nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh, tài liệu, chứng cứ do bà V cung cấp có cơ sở xác định con tên Nguyễn Phan Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 10/10/1997; Nguyễn Phan Thảo L (Nữ), sinh ngày 19/10/2002; Nguyễn Đức T (Nam), sinh ngày 30/01/2004 - là con chung của bà V và ông T, tất cả đều đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét;

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà V tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật hộ tịch năm 2014

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Thúy V

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Phan Thị Thúy V và Ông Nguyễn Anh T

1.2. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 10/10/1997; Nguyễn Phan Thảo L (Nữ), sinh ngày 19/10/2002; Nguyễn Đức T (Nam), sinh ngày 30/01/2004 - tất cả đều đã trưởng thành - Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027625 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Phan Thị Thúy V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**